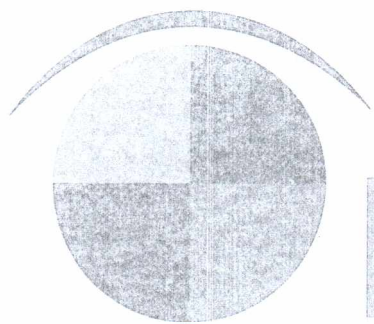


BẢN SAO

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH VIỆT NAM
VIET NAM AUDITING VALUATION AND FINANCIAL CONSULTING COMPANY LIMITED

Trụ sở chính: Số 120, Trần Quốc Hoàn, Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội
VPGD: AN03, Tòa nhà T6-08 số 643A Phạm Văn Đồng, Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: 04 3748 1702 * Fax: 04 3748 1703 * Email: kiemtoanfacom.pvtc@gmail.com



Facom®

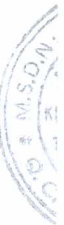
CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ VÀ XÂY DỰNG
ĐƯỜNG BỘ LÀO CAI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 28/02/2016

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 25



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý và xây dựng đường bộ Lào Cai (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 28/02/2016.

Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến 28/02/2016 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng thành viên

Ông Cù Kiên Quyết Chủ tịch

Ban Giám đốc

Ông Cù Kiên Quyết Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ VÀ XÂY DỰNG ĐƯỜNG BỘ LÀO CAI



Cù Kiên Quyết

Giám đốc

Lào Cai, ngày 28 tháng 06 năm 2016

**CHỨNG THỰC BẢN SAO
ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Ngày 17 -06- 2016

Số: 5521 Quyển số:SCT/BS



PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Thị Phương Thảo



BẢN SAO

Số 2336/16/BC-TC/III-VAE

Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc
Công ty TNHH MTV Quản lý và xây dựng đường bộ Lào Cai**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Quản lý và xây dựng đường bộ Lào Cai (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28/02/2016, từ trang 06 đến trang 25, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 28/02/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 28/02/2016 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Quản lý và xây dựng đường bộ Lào Cai tại ngày 28/02/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

19/01/2016
KIỂM TOÁN
ÁN
VIỆ
S/Á

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 - hướng dẫn chế độ chế toán cho doanh nghiệp. Theo đó một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 cho phù hợp với số liệu của kỳ này. Riêng Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến 28/02/2016 không so sánh được với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2014 do kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 28/02/2016 là kỳ hoạt động cuối cùng của Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH MTV. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Lương Thị Kim

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1923-2014-101-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ĐÌNH GIA VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH VIỆT NAM

Lê Minh Hải

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3397-2015-101-1

**CHỨNG THỰC BẢN SAO
ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Ngày 17 -06- 2016

Số: 352 Quyển số: 61 SGT/BS



PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Thị Phương Thảo

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 28 tháng 02 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	28/02/2016	01/01/2015
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		43.913.448.838	41.740.975.606
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		12.452.410.178	2.771.953.165
1 Tiền	111	V.1.	12.452.410.178	2.771.953.165
II Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1 Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.379.847.146	29.198.016.831
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.	13.783.965.045	29.127.566.474
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3.	1.623.851	11.129.331
3 Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4 Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5 Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4.	594.258.250	59.321.026
7 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
IV Hàng tồn kho	140		16.475.808.934	9.771.005.610
1 Hàng tồn kho	141	V.5.	16.475.808.934	9.771.005.610
V Tài sản ngắn hạn khác	150		605.382.580	-
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		605.382.580	-
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.350.220.550	7.831.649.612
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
6 Phải thu dài hạn khác	216	V.4.	-	-
II Tài sản cố định	220		6.073.979.197	7.397.321.665
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.6.	6.073.979.197	7.397.321.665
- Nguyên giá	222		12.936.663.832	13.100.055.377
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.862.684.635)	(5.702.733.712)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.7.	-	-
- Nguyên giá	228		40.000.000	40.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(40.000.000)	(40.000.000)
III Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI Tài sản dài hạn khác	260		276.241.353	434.327.947
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.	276.241.353	434.327.947
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		50.263.669.388	49.572.625.218

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 28 tháng 02 năm 2016
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	28/02/2016	01/01/2015
C NỢ PHẢI TRẢ	300		38.873.209.228	38.185.738.619
I Nợ ngắn hạn	310		38.873.209.228	38.185.738.619
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9.	653.496.500	1.070.800.000
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10.	1.336.986.000	47.714.000
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11.	30.364.250	2.527.329.323
4 Phải trả người lao động	314		4.887.142.584	1.881.227.265
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6 Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7 Phải trả theo tiến độ kế hoạch HDXD	317		-	-
8 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12.	28.681.159.996	27.489.846.777
10 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13.	3.275.721.589	3.898.561.170
12 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.338.309	1.270.260.084
II Nợ dài hạn	330		-	-
6 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		11.390.460.160	11.386.886.599
I Vốn chủ sở hữu	410	V.14.	11.390.460.160	11.386.886.599
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		11.390.460.160	11.175.158.074
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
8 Quỹ đầu tư phát triển	418		-	211.728.525
11 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	0		-	-
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		50.263.669.388	49.572.625.218

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

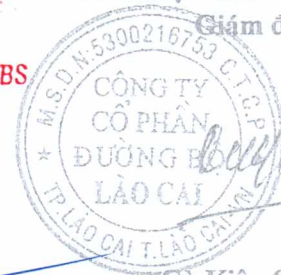
Lào Cai, ngày 28 tháng 03 năm 2016
CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ VÀ XÂY DỰNG ĐƯỜNG BỘ LÀO CAI

Kê toán trưởng

Ngày 17-06-2016

Giám đốc

Handwritten signature
Ngô Thị Hương



Cử Kiên Quyết

PHÓ CHỦ TỊCH

Handwritten signature
Bùi Thị Phương Thảo

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 28/02/2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 28/02/2016	Năm 2014
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	41.281.499.451	59.436.614.767
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2.	359.436.363	689.003.893
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (01-02)	10		40.922.063.088	58.747.610.874
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.3.	36.419.839.255	53.048.698.899
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		4.502.223.833	5.698.911.975
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4.	59.190.015	44.931.833
7 Chi phí tài chính	22	VI.5.	322.449.903	340.827.039
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		322.449.903	340.827.039
8 Chi phí bán hàng	25		-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8.	4.233.237.771	4.480.901.640
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		5.726.174	922.115.129
11 Thu nhập khác	31	VI.6.	9.545.454	311.818.182
12 Chi phí khác	32	VI.7.	-	27.945.058
13 Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		9.545.454	283.873.124
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		15.271.628	1.205.988.253
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9.	3.359.758	265.317.416
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		11.911.870	940.670.837

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Lào Cai, ngày 28 tháng 03 năm 2016

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ VÀ XÂY DỰNG ĐƯỜNG BỘ LÀO CAI

Kế toán trưởng

Ngày 17-06-2016

Giám đốc

Số: 35/18 Quyển số: 01 SCT/BS

Huong



Ngô Thị Hương



Cù Kiên Quyết

PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Thị Phương Thảo

BẢN SAO

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 28/02/2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 28/02/2016	Năm 2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		60.734.054.674	62.547.353.233
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(35.670.684.717)	(43.886.064.359)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(14.712.840.255)	(15.796.454.577)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(322.449.903)	(340.827.039)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(290.307.416)	(293.718.468)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		9.291.572.950	181.519.110
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(8.733.175.753)	(2.769.659.907)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		10.296.169.580	(357.852.007)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(61.608.455)	311.818.182
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		9.545.454	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(3.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	3.500.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		59.190.015	44.931.833
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		7.127.014	356.750.015
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	1.000.000.000
3. Tiền thu từ đi vay	33		9.161.628.765	3.898.561.170
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(9.784.468.346)	(6.910.988.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(622.839.581)	(2.012.427.530)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		9.680.457.013	(2.013.529.522)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.771.953.165	4.785.482.687
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	12.452.410.178	2.771.953.165

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Lào Cai, ngày 28 tháng 03 năm 2016

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ VÀ XÂY DỰNG ĐƯỜNG BỘ LÀO CAI

Ngày 17-06-2016

Kế toán trưởng

Số: 3517/Quyển số: 0...1...SCT/BS

Nguyễn Thị Hương



Giám đốc

Cù Kiên Quyết

PHÓ CHỦ TỊCH
Bùi Thị Phương Thảo

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Quản lý và xây dựng đường bộ Lào Cai (gọi tắt là "Công ty") là Doanh nghiệp Nhà nước, tiền thân là Công ty Quản lý và xây dựng đường bộ Lào Cai trực thuộc UBND tỉnh Lào Cai. Sau đó đổi thành Công ty TNHH MTV Quản lý và xây dựng đường bộ Lào Cai theo quyết định số 1077/QĐ-UBND ngày 28/04/2010 của UBND tỉnh Lào Cai và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5300216753 ngày 25 tháng 08 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp. Công ty có 01 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận kinh doanh thay đổi lần thứ 01 ngày 11/06/2014 thì vốn điều lệ của Công ty là 10.234.061.842 đồng (Mười tỷ, hai trăm ba mươi bốn triệu, không trăm sáu mươi một nghìn, tám trăm bốn mươi hai đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng công trình giao thông

3. Ngành nghề kinh doanh

Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ

Chi tiết: Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; sản xuất, sửa chữa, lắp đặt các phụ kiện công trình đường bộ; khai thác, sản xuất các loại vật liệu xây dựng công trình giao thông;

Xây dựng, tái thiết và sửa chữa lớn công trình: Giao thông đường bộ, đường thủy, công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, cấp nước sinh hoạt, đường điện đến 35kv;

Khai thác, sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;

Cho thuê máy thi công công trình, cho thuê kho bãi, nhà xưởng, văn phòng làm việc;

Kinh doanh dịch vụ: Nhà nghỉ, nhà khách, ăn uống; kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hóa;

Địa chỉ: Số nhà 311, đường Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai

Điện thoại: 0203 840 243

Fax: 0203 820 807

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty: Đối với hoạt động duy tu, bảo dưỡng không quá 12 tháng, đối với hoạt động sửa chữa, xây lắp đường là trên 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ hoạt động có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Công ty TNHH MTV Quản lý và xây dựng đường bộ Lào Cai đang thực hiện các thủ tục để chuyển đổi hình thức Doanh nghiệp Nhà Nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 3749/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai.

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 01 tháng 01 năm 2015 đã được phân loại và trình bày lại để phù hợp với việc so sánh số liệu của kỳ này. Riêng Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến 28/02/2016 không so sánh được với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2014 do kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 28/02/2016 là kỳ hoạt động cuối cùng của Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH MTV.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Riêng kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 28/02/2016 của Công ty là kỳ hoạt động cuối cùng của Công ty hoạt động theo mô hình Công ty TNHH MTV trước khi chính thức chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần từ ngày 29/02/2016.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

Áp dụng hướng dẫn kế toán**Hướng dẫn mới về chế độ kế toán Doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến 28/02/2016.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản cho vay có thời hạn dưới 1 năm, được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày gửi hoặc cho vay.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Nợ phải thu không ghi cao hơn giá trị phải thu hồi.

Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán. Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua - bán.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Tại thời điểm 28/02/2016 Công ty không phải trích lập dự phòng phải thu khó đòi do đang trong quá trình thực hiện cổ phần hóa theo quy định tại Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

Tại thời điểm 28/02/2016 Công ty không phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho do đang trong quá trình thực hiện cổ phần hóa theo quy định tại Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**5.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Theo Quyết định số 3749/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt giá trị xác định doanh nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 thì nguyên giá tài sản cố định được điều chỉnh theo số yêu cầu xác định lại đã được phê duyệt.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
Nhà cửa vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 08

5.2 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. Kế toán TSCĐ vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định**Thời gian khấu hao (Năm)**

Phần mềm kế toán

02

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước dài hạn gồm giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp và các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng, chi phí sửa chữa TSCĐ...

Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa và được ghi nhận theo Quyết định số 3749/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai.

Chi phí công cụ dụng cụ được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

8. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán phát sinh từ việc xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa và được phê duyệt theo Quyết định số 3749/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt giá trị xác định doanh nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 thì nguyên giá tài sản cố định được điều chỉnh theo số yêu cầu xác định lại đã được phê duyệt.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán thành phẩm, cho thuê mặt bằng, đảm bảo, sửa chữa công trình giao thông và doanh thu từ tiền lãi tiền gửi.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ cho thuê nhà được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu nhận trước của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê nhà.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Giá vốn hoạt động sửa chữa, đảm bảo đường bộ được ghi nhận theo chi phí của từng công trình, hợp đồng giao khoán, tương ứng với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

14. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

14.1 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22% trên lợi nhuận chịu thuế

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	28/02/2016	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	99.337.242	99.977.117
Tiền gửi ngân hàng	12.353.072.936	2.671.976.048
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Lào Cai	2.067.521.699	2.630.157.583
Ngân hàng TMCP Phát triển nhà Đồng bằng sông Cửu Long - Chi nhánh Lào Cai	-	41.818.465
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Bắc Hà	10.285.551.237	-
Tổng cộng	12.452.410.178	2.771.953.165

2. Phải thu của khách hàng

	31/12/2015		01/01/2015	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu của khách hàng ngắn hạn				
Ban QLDA Các công trình giao thông	65.477.000	-	-	-
Công ty CP Công trình giao thông Lào Cai	77.854.650	-	77.854.650	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

• Công ty CP Đầu tư và xây dựng và PTNL Phúc khánh	-	-	132.575.332	-
• Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng 703	36.866.000	-	36.866.000	-
• Công ty TNHH MTV Cầu 1 Thăng Long	-	-	2.972.000	-
• Công ty TNHH Đông Hải	272.956.331	-	272.956.331	-
• Công ty Cổ phần 473	-	-	2.890.000	-
• Phòng tài chính kế hoạch huyện Bát Xát	-	-	855.985.590	-
• Sở GTVT Lào Cai	13.330.811.064	-	27.745.466.571	-
Tổng cộng	13.783.965.045	-	29.127.566.474	-

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	28/02/2016 VND	01/01/2015 VND
• Công ty Xăng dầu Lào Cai	1.623.851	11.129.331
Tổng cộng	1.623.851	11.129.331

4. Phải thu khác

	28/02/2016 VND		01/01/2015 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Ngắn hạn</i>				
Phải thu bảo hiểm xã hội	-	-	37.625.900	-
Chi phí cổ phần hoá	300.000.000	-	-	-
Phải thu khác	30.364.250	-	11.195.126	-
Tạm ứng	263.894.000	-	10.500.000	-
Phạm Thị Kim Oanh	104.195.000	-	-	-
Nguyễn Thị Tân	25.000.000	-	-	-
Các đối tượng khác	134.699.000	-	-	-
Tổng cộng	594.258.250	-	59.321.026	-

5. Hàng tồn kho

	28/02/2016 VND		01/01/2015 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	303.146.366	-	457.578.454	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	16.084.917.168	-	9.313.427.156	-
Thành phẩm	87.745.400	-	-	-
Tổng cộng	16.475.808.934	-	9.771.005.610	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND Cộng
Nguyên giá					
Số dư ngày 01/01/2015	5.783.690.273	5.153.406.490	2.108.413.159	54.545.455	13.100.055.377
Mua trong kỳ	-	-	-	61.608.455	61.608.455
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(225.000.000)	-	-	(225.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư ngày 28/02/2016	5.783.690.273	4.928.406.490	2.108.413.159	116.153.910	12.936.663.832
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư ngày 01/01/2015	2.134.017.764	2.559.778.393	1.008.937.555	-	5.702.733.712
Khấu hao trong kỳ	405.986.832	665.785.991	281.626.020	31.552.080	1.384.950.923
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(225.000.000)	-	-	(225.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư ngày 28/02/2016	2.540.004.596	3.000.564.384	1.290.563.575	31.552.080	6.862.684.635
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2015	3.649.672.509	2.593.628.097	1.099.475.604	54.545.455	7.397.321.665
Tại ngày 28/02/2016	3.243.685.677	1.927.842.106	817.849.584	84.601.830	6.073.979.197

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư ngày 01/01/2015	40.000.000	40.000.000
Mua trong kỳ	-	-
Số dư ngày 28/02/2016	40.000.000	40.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư ngày 01/01/2015	40.000.000	40.000.000
Khấu hao trong kỳ	-	-
Số dư ngày 28/02/2016	40.000.000	40.000.000
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2015	-	-
Tại ngày 28/02/2016	-	-

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 40.000.000 đồng

8. Chi phí trả trước

	28/02/2016 VND	01/01/2015 VND
<i>Dài hạn</i>		
Lợi thế kinh doanh	152.743.000	152.743.000
Chi phí trả trước công cụ dụng cụ	123.498.353	281.584.947
Tổng cộng	276.241.353	434.327.947

9. Phải trả người bán

	28/02/2016 VND		01/01/2015 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>a, Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</i>				
Cửa hàng Vật liệu xây dựng Vũ Anh Tuấn	447.500.000	447.500.000	850.000.000	850.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và Đầu tư Thương mại Minh Ngọc	189.496.500	189.496.500	-	-
Nguyễn Thị Thu	-	-	149.300.000	149.300.000
Các đối tượng khác	16.500.000	16.500.000	71.500.000	71.500.000
Tổng cộng	653.496.500	653.496.500	1.070.800.000	1.070.800.000

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. Người mua trả tiền trước		28/02/2016	01/01/2015	
		VND	VND	
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Công ty cổ phần dịch vụ thương mại Tứ Quý		-	21.000.000	
Sở GTVT Lào Cai		1.336.986.000	26.714.000	
Tổng cộng		1.336.986.000	47.714.000	
11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước				
			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
Chỉ tiêu	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	28/02/2016
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.260.814.306	1.724.819.698	4.559.376.342	(573.742.338)
Thuế TNDN	255.307.416	3.359.758	290.307.416	(31.640.242)
Thuế thu nhập cá nhân	11.207.601	30.364.250	11.207.601	30.364.250
Thuế tài nguyên	-	18.688.200	18.688.200	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	8.540.610	8.540.610	-
Các loại thuế khác	-	6.000.000	6.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	19.932.000	19.932.000	-
Cộng thuế và các khoản phải thu Nhà Nước	-			605.382.580
Cộng thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	2.527.329.323			30.364.250
12. Phải trả khác				
		28/02/2016	01/01/2015	
		VND	VND	
Ngắn hạn				
Kinh phí công đoàn		18.299.400	30.606.000	
Bảo hiểm xã hội tỉnh Lào Cai		140.417.933	-	
Phải trả về cổ phần hóa		10.222.676.891	-	
Phải trả các tổ đội		18.299.765.772	27.459.240.777	
Tổng cộng		28.681.159.996	27.489.846.777	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	28/02/2016		Trong năm		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	3.275.721.589	3.275.721.589	10.761.628.765	11.384.468.346	3.898.561.170	3.898.561.170
Vay ngân hàng						
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam	3.275.721.589	3.275.721.589	9.161.628.765	9.784.468.346	3.898.561.170	3.898.561.170
- Chi nhánh Lào Cai (*)						
Vay cá nhân (**)	-	-	800.000.000	800.000.000	-	-
Bà Trần Thị Liên	-	-	800.000.000	800.000.000	-	-
Tổng cộng	3.275.721.589	3.275.721.589	10.761.628.765	11.384.468.346	3.898.561.170	3.898.561.170

- Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam theo 08 hợp đồng tín dụng:

Khoản vay theo hợp đồng số 01/2015/948165/HĐTD ngày 10/02/2015 với hạn mức cho vay 1.899.827.000 VND, mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động thực hiện thi công công trình, lãi suất được quy định trên hợp đồng tín dụng là 7%/năm, thời hạn cho vay 5 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản vốn đầu tiên. Khoản vay này đã được thanh toán hết vào ngày 10/7/2015.

Khoản vay theo hợp đồng số 02/2015/948165/HĐTD ngày 13/02/2015 với hạn mức cho vay 1.354.248.776 VND, mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động thực hiện thi công công trình, lãi suất được quy định trên hợp đồng tín dụng là 7%/năm, thời hạn cho vay 5 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản vốn đầu tiên. Khoản vay này đã được thanh toán hết vào ngày 20/05/2015.

Khoản vay theo hợp đồng số 03/2015/948165/HĐTD ngày 14/07/2015 với hạn mức cho vay 810.122.600 VND, mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động thực hiện thi công công trình, lãi suất được quy định trên hợp đồng tín dụng là 7%/năm, thời hạn cho vay 5 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản vốn đầu tiên. Khoản vay này đã được thanh toán hết vào ngày 08/12/2015.

Khoản vay theo hợp đồng số 04/2015/948165/HĐTD ngày 21/08/2015 với hạn mức cho vay 421.708.800 VND, mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động thực hiện thi công công trình, lãi suất được quy định trên hợp đồng tín dụng là 7%/năm, thời hạn cho vay 8 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản vốn đầu tiên. Khoản vay này đã được thanh toán hết vào ngày 04/02/2016.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Khoản vay theo hợp đồng số 05/2015/948165/HĐTD ngày 15/10/2015 với hạn mức cho vay 1.416.753.600 VND, mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động thực hiện thi công công trình, lãi suất được quy định trên hợp đồng tín dụng là 7%/năm, thời hạn cho vay 8 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản vốn đầu tiên. Khoản vay này đã được thanh toán 600.000.000 VND vào ngày 04/02/2016.

Khoản vay theo hợp đồng số 06/2015/948165/HĐTD ngày 24/11/2015 với hạn mức cho vay 490.280.000 VND, mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động thực hiện thi công công trình, lãi suất được quy định trên hợp đồng tín dụng là 7%/năm, thời hạn cho vay 8 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản vốn đầu tiên.

Khoản vay theo hợp đồng số 07/2015/948165/HĐTD ngày 08/12/2015 với hạn mức cho vay 913.013.240 VND, mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động thực hiện thi công công trình, lãi suất được quy định trên hợp đồng tín dụng là 7%/năm, thời hạn cho vay 8 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản vốn đầu tiên.

Khoản vay theo hợp đồng số 08/2015/948165/HĐTD ngày 21/12/2015 với hạn mức cho vay 1.055.674.699 VND, mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động thực hiện thi công công trình, lãi suất được quy định trên hợp đồng tín dụng là 7%/năm, thời hạn cho vay 8 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản vốn đầu tiên.

(**) Khoản vay theo hợp đồng vay vốn cá nhân của bà Trần Thị Liên ngày 26/10/2015 với hạn mức cho vay 800.000.000 VND, mục đích vay là để trả lương công nhân SCTX tháng 7 và tháng 8 năm 2015, lãi suất cho vay được quy định trên hợp đồng là 10,5%/năm, thời hạn cho vay 2 tháng kể từ ngày 26/10/2015

14. Vốn chủ sở hữu

a, Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2014	8.971.137.592	-	8.971.137.592
Tăng vốn trong năm trước (*)	3.325.918.175	-	3.325.918.175
Lãi trong năm trước	-	940.670.837	940.670.837
Chia cổ tức	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-
Giảm khác	(1.121.897.693)	(940.670.837)	(2.062.568.530)
Số dư tại ngày 31/12/2014	11.175.158.074	-	11.175.158.074
Tăng vốn trong kỳ này	215.302.086	-	215.302.086
Lãi trong kỳ này	-	11.911.870	11.911.870
Phân phối lợi nhuận	-	-	-
Giảm khác	-	(11.911.870)	(11.911.870)
Số dư tại ngày 28/02/2016	11.390.460.160	-	11.390.460.160

(*) Tăng vốn trong kỳ là do điều chỉnh các quỹ và chênh lệch đánh giá lại tài sản khi xác định giá trị doanh nghiệp

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	28/02/2016 VND	01/01/2015 VND
Vốn của nhà nước	11.390.460.160	11.175.158.074
Tổng cộng	11.390.460.160	11.175.158.074

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2015 đến 28/02/2016 VND	Năm 2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	11.175.158.074	8.971.137.592
Vốn góp tăng trong kỳ	215.302.086	3.325.918.175
Vốn góp giảm trong kỳ	-	1.121.897.693
Vốn góp cuối kỳ	11.390.460.160	11.175.158.074
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Các quỹ của công ty

Khoản mục	01/01/2015	Số tăng trong kỳ	Số giảm trong kỳ	Đơn vị tính: VND
				28/02/2016
Quỹ đầu tư phát triển	211.728.525	3.573.561	215.302.086	-
Tổng cộng	211.728.525	3.573.561	215.302.086	-

(*) Phân giảm trong kỳ là do kết chuyển sang vốn góp của chủ sở hữu khi xác định giá trị doanh nghiệp.

• VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2015 đến 28/02/2016 VND	Năm 2014 VND
a, Doanh thu		
Doanh thu xây dựng, sửa chữa thường xuyên	40.643.192.539	58.430.314.884
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê nhà	383.006.912	593.350.629
Doanh thu bán thành phẩm	255.300.000	412.949.254
Tổng cộng	41.281.499.451	59.436.614.767

b) Doanh thu đối với các bên liên quan: Chi tiết tại trình bày tại thuyết minh số VIII.2

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/01/2015 đến 28/02/2016 VND	Năm 2014 VND
Giảm giá hàng bán	359.436.363	689.003.893
Tổng cộng	359.436.363	689.003.893

3. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2015 đến 28/02/2016 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn xây dựng công trình và sửa chữa thường xuyên	36.043.427.115	52.635.749.645
Giá vốn cho thuê nhà	122.958.070	-
Giá vốn bán thành phẩm	253.454.070	412.949.254
Tổng cộng	36.419.839.255	53.048.698.899

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

4. Doanh thu hoạt động tài chính	Từ 01/01/2015 đến 28/02/2016	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	59.190.015	44.931.833
Tổng cộng	59.190.015	44.931.833
5. Chi phí tài chính	Từ 01/01/2015 đến 28/02/2016	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí lãi tiền vay	322.449.903	309.327.039
Chi phí tài chính khác	-	31.500.000
Tổng cộng	322.449.903	340.827.039
6. Thu nhập khác	Từ 01/01/2015 đến 28/02/2016	Năm 2014
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	9.545.454	311.818.182
Tổng cộng	9.545.454	311.818.182
7. Chi phí khác	Từ 01/01/2015 đến 28/02/2016	Năm 2014
	VND	VND
Giá trị còn lại tài sản thanh lý	-	27.945.058
Tổng cộng	-	27.945.058
8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Từ 01/01/2015 đến 28/02/2016	Năm 2014
	VND	VND
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</i>	4.233.237.771	4.480.901.640
Chi phí nhân viên quản lý	2.266.868.000	2.871.055.000
Chi phí vật liệu quản lý	214.142.249	187.637.947
Chi phí đồ dùng văn phòng	52.909.546	30.098.500
Chi phí khấu hao TSCĐ	292.222.113	-
Thuế, phí và lệ phí	168.983.347	90.507.415
Chi phí dịch vụ mua ngoài	653.103.497	363.416.472
Chi phí bằng tiền khác	585.009.019	938.186.306
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Từ 01/01/2015 đến 28/02/2016	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	40.990.798.557	59.104.360.889
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	40.975.526.929	57.898.372.636
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	15.271.628	1.205.988.253

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên doanh thu chịu thuế	3.359.758	265.317.416
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.359.758	265.317.416
10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Từ 01/01/2015 đến 28/02/2016	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	17.214.186.403	15.943.983.139
Chi phí nhân công	22.365.219.645	25.183.402.371
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.384.950.923	1.357.616.541
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.656.231.859	5.896.372.128
Chi phí khác bằng tiền	3.654.124.279	1.664.439.230
Tổng cộng	48.274.713.109	50.045.813.409

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Từ 01/01/2015 đến 28/02/2016	Năm 2014
	VND	VND
1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ		
Tăng vốn từ cổ phần hóa	215.302.086	2.204.020.482
Tiền vay chuyển trả cho nhà cung cấp	4.451.976.166	-

VIII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán kỳ này

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đường bộ Lào Cai số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/01/2016 và theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 5300216753 thay đổi lần thứ 02 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp ngày 29 tháng 02 năm 2016 thì Công ty TNHH MTV Quản lý và xây dựng đường bộ Lào Cai chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đường bộ Lào Cai với vốn điều lệ là 11.386.890.000 VND, Ông Cù Kiên Quyết được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Đường bộ Lào Cai và Chủ tịch Hội đồng quản trị. Do có sự thay đổi loại hình Công ty nêu trên nên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 28/02/2016 sẽ được đóng dấu Công ty Cổ phần Đường bộ Lào Cai và người ký duyệt Báo cáo tài chính là Ông Cù Kiên Quyết với chức danh Giám đốc.

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc trên các khía cạnh trọng yếu, ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến 28/02/2016.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

2.3 Thu nhập Ban Tổng giám đốc được hưởng trong kỳ này

	Từ 01/01/2015 đến 28/02/2016	Năm 2014
	VND	VND
Lương, thưởng	445.372.000	334.500.000
Tổng cộng	445.372.000	334.500.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2014 do Công ty lập đã được kiểm toán. Và, như đã trình bày tại Thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01/01/2015, Công ty đã áp dụng Thông tư 200, hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp, theo đó một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2015 được phân loại, trình bày lại. Riêng Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến 28/02/2016 không so sánh được với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2014 do kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 28/02/2016 là kỳ hoạt động cuối cùng của Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH MTV. Chi tiết số liệu được phân loại, trình bày lại như sau:

	31/12/2014		Số sau phân loại lại VND
	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	
Phải thu ngắn hạn khác	11.195.126	10.500.000	21.695.126
Tài sản ngắn hạn khác	10.500.000	(10.500.000)	-

Lào Cai, ngày 28 tháng 03 năm 2016

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ VÀ XÂY DỰNG ĐƯỜNG BỘ LÀO CAI

Kế toán trưởng



Ngô Thị Hương

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày 17-06-2016

Số: 3516/Quyển số: 01...SCT/BS




PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Thị Phương Thảo



1
2
3
4
5
6
7
8
9
10

11
12
13
14
15

16
17
18
19
20

21

